TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** --***-- Bản án số: 68/2019/HSST Ngày: 23/8/2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Văn Tân.**

* Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Xuân Hòa**

- Bà **Đặng Thị Thêm.**

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu: Bà **Đặng Thị Huệ**- KSV.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đối với bị cáo:

1.Họ và tên: **Nguyễn Văn L (A);** Giới tính: Nam; Sinh năm: 1987; HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa 9/12;Nghề nghiệp: Làm ruộng**;** Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 và con bà: Đàm Thị D, sinh năm 1958; Anh, chị em ruột: có 3 người, bị cáo là thứ 3**;** Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1988**;** Con: có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án: chưa có.

- Nhân thân: Ngày 29/12/2014 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Ngày 31/7/2017 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Tiền sự: Ngày 07/2/2018 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (có mặt tại phiên tòa).

2.Họ và tên: **Phạm Văn H ;**Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988; HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 9/12;Nghề nghiệp: Làm ruộng**;** Con ông: Phạm Hữu E, sinh năm 1952 và con bà: Nguyễn Thị F, sinh năm 1952; Anh, chị em ruột: có 4 người, bị cáo là thứ 4**;** Vợ, con: chưa có

- Bị cáo H đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***/Bị hại**:

1.Ông Nguyễn Tiến X, sinh năm 1985;

2.Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1990;

Đều trú tại: Thôn P, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3.Ông Đỗ Văn U, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn Z, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hưng Yên

***/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1.Bà Đàm Thị S, sinh năm 1965;

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2.Ông Nguyễn Công R, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

1.Ông Nguyễn Tiến Y, sinh năm 1961

2.Bà Nguyễn Thị J, sinh năm 1966

3.Ông Vương Quốc G, sinh năm 1944

Đều trú tại: Thôn P, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4.Ông Phạm Hữu E, sinh năm 1952;

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1990

6.Ông Nguyễn Công R, sinh năm 1990

Đều trú tại: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

7.Bà Bùi Thị I, sinh năm 1970;

Trú tại: Thôn XY, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

8.Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn TH, xã PY, huyện B,tỉnh Hưng Yên.

9.Ông Nguyễn Đức W, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất

Nguyễn Văn L và anh Đỗ Văn U sinh năm 1985 ở thôn Z, thị trấn B, huyện B (tên gọi khác là P) đều là người nghiện ma túy và phải điều trị methadone. Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 08 giờ ngày 22/2/2019, khi L gặp anh U đến Trung tâm y tế huyện K uống methadone, L chạy về phía anh U dùng tay túm cổ áo và đấm liên tiếp vào mặt U 2 nhát. Thấy L đánh anh U, Nguyễn Tri Q sinh năm 1988 ở thôn AL, xã ĐT, huyện K cũng lao vào dùng tay đấm nhiều nhát vào người và mặt anh U. Sau đó L lấy 1 chiếc gậy rút 2 khúc bằng kim loại mang theo từ trước, đứng đối diện cách anh U khoảng gần một mét rồi vụt liên tiếp 5 đến 6 nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng đầu và người anh U. Anh U bỏ chạy thì L tiếp tục đuổi theo đánh làm anh U bị ngã. Lúc này có một người nam giới đeo khẩu trang, không rõ tên tuổi địa chỉ cũng lao vào đá hai phát vào chân anh U. Hậu quả: anh U bị thương phải đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện K với vết thương ở vùng đầu gây rách da, chảy máu. Sau khi xảy ra sự việc anh U có đơn đến Công an huyện K yêu cầu khởi tố và đề nghị giám định tổn hại sức khỏe.

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ của L 01 chiếc gậy rút hai khúc bằng kim loại, đồng thời trích xuất camera tại Trung tâm y tế huyện K có ghi diễn biến sự việc vào 01 chiếc USB để trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 40/2019/TgT ngày 07/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hưng Yên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định đối với anh Đỗ Văn U là 03%, cơ chế hình thành vết thương là do vật tày cứng và vật cứng có cạnh gây nên; Bản kết luận giám định số 1342/C09-P6 ngày 09/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 01 tập tin Video "201900222 _07h40m_ch01.m4v" trong USB gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung.

Vụ thứ 2

Khoảng 08 giờ ngày 26/3/2019, Nguyễn Văn L và Phạm Văn H đến Trung tâm y tế huyện Khoái Châu để uống thuốc cai nghiện methadone. Do quen biết từ trước nên khi gặp H, L nói: " mày chở anh đến nhà bà dì bắt con chó", H hiểu ý của L là rủ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy nên đã sử dụng chiếc xe mô tô biển số 89E1-281.01 chở L đến gần nhà bà Đàm Thị S sinh năm 1965 ở Thôn P, xã A thì dừng xe. H đứng bên ngoài cảnh giới, còn L trèo tường vào trong khuôn viên nhà bà S. L quan sát thấy cửa phụ bằng nhôm kính nhà bà S không khóa nên đẩy cửa đi vào bên trong thì thấy phía trên tủ nhựa đựng quần áo có 01 vòng đeo tay bằng kim loại hình tròn màu đồng nên L cầm cất vào túi quần đang mặc. L đi vào phòng ngủ của vợ chồng con dâu bà S là chị Phạm Thị Y thấy có tủ đựng quần áo bằng nhôm có 2 cánh không khóa, L dùng tay mở cửa tủ ra thì phát hiện có một chùm chìa khóa. L lấy chùm chìa khóa này mở ngăn dưới của chiếc tủ nêu trên thì phát hiện có một con lợn bằng thạch cao, màu trắng và 01 chiếc điện

thoại Asus cũ đã vỡ màn hình nên L cho chiếc điện thoại vào túi quần rồi cầm con lợn đất trên tay để đi ra. Tuy nhiên con lợn bị va vào cửa phụ nên rơi xuống đất vỡ làm tiền đựng trong con lợn rơi ra. Lúc này nghe thấy có tiếng người mở cổng nên L dùng tay vơ được số tiền là 7.800.000 đồng cho vào túi quần rồi nhảy qua tường chạy ra chỗ H đang đứng đợi. Sau đó H chở L ra khu vực đường 39A, đi theo hướng từ xã DT về huyện KĐ khoảng 2km thì gặp 1 người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ, L xuống xe lấy 200.000 đồng từ số tiền vừa trộm cắp được mua ma túy và cùng sử dụng với H. Trên đường đi mua ma túy, L nói với H chỉ trộm cắp được số tiền là 200.000 đồng, 01 vòng đeo tay, 01 điện thoại và đưa cho H chiếc vòng đã trộm cắp được. Số tiền còn lại L đã sử dụng để trả tiền chơi game và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi xảy ra vụ việc, chị Phạm Thị Y phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ quản lý 01 USB do bà Đàm Thị S giao nộp, ghi lại nội dung cuộc nói chuyện giữa bà S và L sau khi L trộm cắp tài sản; Y giữ của H 01 chiếc vòng đeo tay; của L 01 chiếc điện thoại Asus. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu định giá đối với tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Asus màn hình bị vỡ và 01 vòng đeo tay bằng kim loại hình tròn màu vàng đã cũ, vỏ nhựa màu xanh (là đồ mỹ ký, không xác định được hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, đã qua sử dụng). Đến ngày 15/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K có văn bản trả lời: không có đủ căn cứ để xác định giá trị của tài sản là chiếc điện thoại Asus và chiếc vòng đeo tay.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS-KC, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội " Cố ý gây thương tích" theo điểm a, khoản 1,Điều 134 và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H có mặt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, bị hại là anh Đỗ Văn U, sinh năm 1985 trú tại: Thôn Z, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hưng Yên có đơn xin rút yêu cầu khởi tố bị cáo Nguyễn Văn L (A) về hành vi của L đã gây thương tích cho anh đồng thời giữa anh và gia đình bị cáo L vợ là chị Nguyễn Thị C đã thỏa thuận bồi thường số tiền 15.000.000đ (là số tiền bồi thường về tổn hại sức khỏe và chi phí khám chữa bệnh cho bị hại là anh), nên căn cứ theo Khoản 2 Điều 155 và Điều 282 của Bộ luật tố

tụng hình sự năm 2015, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án "cố ý gây thương tích" đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đề nghị quyết định truy tố như bản cáo trạng về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L và bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm các điểm s, Khoản 1, Điều 51, Điều 58; Khoản 1 Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm các điểm i, s, Khoản 1, Điều 51, Điều 58; Khoản 1 Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 ; Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 tháng đến 01 năm tù .

Số tiền 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) mà bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H đã lấy trộm của chị Y và bị cáo L đã sử dụng
Số tiền là 7.700.000 đồng vào việc chi tiêu cá nhân; bị cáo H sử dụng 100.000 đồng vào mua ma túy, tuy chị Y không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nhưng đây là khoản tiền mà các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội nên cần áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H để sung công quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vòng đeo tay; 01 chiếc điện thoại Asus.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

03 chiếc usb là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu điều tra đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên toà.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của L đã gây thương tích cho anh Đỗ Văn U: Ngày 22 tháng 8 năm 2019, bị hại là anh Đỗ Văn U, sinh năm 1985 trú tại: Thôn Z, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hưng Yên có đơn xin rút yêu cầu khởi tố bị cáo Nguyễn Văn L (A) về hành vi của L đã gây thương tích cho anh đồng thời giữa anh và gia đình bị cáo L vợ là chị Nguyễn Thị C đã thỏa thuận bồi thường số tiền 15.000.000đ (là số tiền bồi thường về tổn hại sức khỏe và chi phí khám chữa bệnh cho bị hại là anh U), nên căn cứ theo Khoản 2 Điều 155 và Điều 282 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ vụ án "cố ý gây thương tích đối với bị cáo Nguyễn Văn L".

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản Y giữ vật chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đã có đủ cơ sở kết luận:

Đến khoảng 08 giờ ngày 26/3/2019, Nguyễn Văn L và Phạm Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 7.800.000 đồng của chị Phạm Thị Y sinh năm 1990 ở Thôn P, xã A, huyện K. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H trộm cắp có giá trị là 7.800.000 đồng hành vi này của các bị cáo thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo:

Trong vụ án trộm cắp tài sản bị cáo L giữ vai trò chính là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi, bị cáo L được H số tiền nhiều hơn bị cáo H, còn bị cáo Phạm Văn H giữ vai trò là người giúp sức tích cực, được H số tiền trộm cắp ít hơn.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh H đến trật tự an ninh ở địa phương, gây tâm lý hoang mang cho mọi người, chỉ vì mục đích cần tiền để tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của các bị

cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với bị cáo Nguyễn Văn L:

- Tiền án: chưa có.

- Nhân thân: Ngày 29/12/2014 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Ngày 31/7/2017 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Tiền sự: Ngày 07/2/2018 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo Phạm Văn H không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo L, H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo H có tham gia nghĩa vụ quân sự có đóng góp công sức để bảo vệ tổ quốc nên Hội đồng xét xử cho bị cáo H thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Nghề nghiệp chính của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, bản thân nghiện ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với số tiền 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) mà bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H đã trộm cắp của chị Y, chị Y không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị nên HĐXX không đặt ra giải quyết tuy nhiên, số tiền số tiền 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) mà bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H đã trộm cắp của chị Y và các bị cáo đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân, đây là khoản tiền mà các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội nên cần áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H để sung công quỹ nhà nước.

Đối với anh Nguyễn Công R là người bán thẻ game cho L ngày 26/3/2019. Qúa trình điều tra xác định khi bị cáo L dùng tiền mua thẻ và thanh toán tiền chơi game, anh R không biết tiền L thanh toán là do trộm cắp được mà có, đồng thời anh R đã dùng để giao dịch với khách hàng khác hết số tiền mà L đã trả. Vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu chưa có căn cứ để thu giữ, quản lý xem xét xử lý với anh R, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 89 E1-281.01, H chở L đi ngày 26/3/2019. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông Phạm Hữu E là bố đẻ của bị cáo H. Ông E không biết bị cáo mượn xe đi vào mục đích gì, không biết bị cáo H sử dụng chiếc xe trên để chở bị cáo L đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu không có căn cứ để xem xét xử lý đối với ông E và quản lý chiếc xe mô tô trên nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn L, do đó không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, kết luận nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L, H 01 chiếc vòng đeo tay; 01 chiếc điện thoại Asus đây là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm c, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

03 chiếc USB là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, Khoản 1, Điều 51, Điều 58; Khoản 1 Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 31/3/2019.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm các điểm i, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Khoản 1 Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm tù , thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Truy tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.800.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H, (truy thu số tiền 7.700.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn L, truy thu số tiền 100.000 đồng của bị cáo Phạm Văn H).

Về xử lý vật chứng**:** Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc vòng đeo tay; 01 chiếc điện thoại Asus đây là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

(Tình trạng vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 43/QĐ-VKS-KC ngày 10/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu.)

03 chiếc USB là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L và Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận :
- VKSND H Khoái Châu;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã A; N;
- Lưu hồ sơ.
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tân